

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2023/HNGĐ-ST

Ngày:06-01-2023

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Ông Lê Văn Thương.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung—Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST-HN ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh N, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Tô Minh C, sinh năm 1993(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-12-2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Chị Bùi Thanh N và anh Tô Minh C sống chung với nhau năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26-01-2021. Thời gian đầu chị N và anh C chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến

tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị N và anh C bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; chị đã nhiều lần cho anh C cơ hội để anh sửa đổi, mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn anh Tô Minh C:**

Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh C không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn xin vắng mặt; anh C vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh C là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh C chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; anh C có hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”.

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị N và anh C chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị N và anh C bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; chị và anh C đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và

anh C đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không thể hiện ý chí, nên xem như anh C từ bỏ quyền lợi trình bày của mình. Nay chị N xin ly hôn với anh C là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thanh N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thanh N được ly hôn với anh Tô Minh C.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003242 ngày 24-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị N đã thi hành xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị N, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn